

Bản án số: 38/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 12-6-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và ông Hồ Hữu Thỏa

Thư kY phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư kY Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Phương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 144/2025/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1992; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Quang T, sinh năm 1983; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn CH, xã TL, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2025, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Bùi Quang T tự nguyện yêu nhau và kết hôn với nhau ngày 14/12/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã QL (nay là xã TL). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian ngắn thì P sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, hay cãi nhau luôn bất đồng quan điểm, thời gian gần đây anh T còn rượu chè đánh đập xúc phạm chị. Vợ chồng đã sống ly

thân từ gần một năm nay. Nay chị T xác định không còn tình cảm gì với anh T nữa nên yêu cầu tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T.

Về con chung, vợ chồng có 03 con chung là Bùi Tiến T, sinh ngày 15/04/2013; Bùi Đức P, sinh ngày 04/3/2015 và Bùi Thị Việt Y, sinh ngày 12/7/2017. Ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Y và giao cháu P, cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Quang T trình bày:

Anh T thống nhất về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn với chị Trần Thị T. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, vẫn chung sống với nhau bình thường, có một số mâu thuẫn nhỏ như cãi nhau, bất đồng quan điểm nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất như chị T trình bày về họ tên và ngày tháng năm sinh của 03 con chung. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung mà không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng của cháu Bùi Thị Việt Y là xin được ở với mẹ. Nguyện vọng của cháu Bùi Tiến T và Bùi Đức P là xin được ở với bố.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TL: Chị T và anh T đăng ký kết hôn tại xã UBND xã QL (nay là xã TL) đúng quy định pháp luật. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn địa phương không nắm được, do không qua hòa giải tại cơ sở. Tuy nhiên theo một số thông tin thì mâu thuẫn vợ chồng do liên quan đến kinh tế, tiền bạc. Nay chị T yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và P biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Bùi Quang T; giao con chung Bùi Tiến T, sinh ngày 15/04/2013; Bùi Đức P, sinh ngày 04/3/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Bùi Thị Việt Y, sinh ngày 12/7/2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T, anh T vì không ai có yêu cầu; về tài sản không xem xét vì đương sự không yêu cầu; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Bùi Quang T, đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn CH, xã TL (xã QL cũ), huyện QL, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt; Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp tiếp cận việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Bùi Quang T nhưng anh T vẫn không hợp tác, vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Bùi Quang T có đăng ký kết hôn ngày 14/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã QL (nay là xã TL), huyện QL, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, theo chị T thì mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, hay cãi nhau, gần đây anh T còn thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị; theo anh T thì vợ chồng chưa có mâu thuẫn gì trầm trọng và vợ chồng chưa sống ly thân. Tuy hai bên trình bày khác nhau về tình trạng hôn nhân hiện nay nhưng anh T cũng thừa nhận vợ chồng có một số mâu thuẫn như luôn cãi nhau, bất đồng quan điểm, chị T hay tự ý bỏ đi mà không có ý kiến của anh. Điều đó chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được, không tin tưởng nhau. Chị T kiên quyết ly hôn, anh T mong muốn được đoàn tụ vợ chồng nhưng không có biện pháp gì để thay đổi tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hai bên cũng không có kết quả. Do đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên cần xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Bùi Quang T là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình .

[3] Về con chung: Chị T và anh T có 03 con chung là Bùi Tiến T, sinh ngày 15/04/2013; Bùi Đức P, sinh ngày 04/3/2015 và Bùi Thị Việt Y, sinh ngày 12/7/2017. Chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Y và giao cháu T, cháu P cho

anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Nhưng anh T lại có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung. Xét thấy, cháu P, cháu T đều có nguyện vọng ở với bố, cháu Y có nguyện vọng ở với mẹ. Hơn nữa, chị T và anh T đều có thu nhập tương đối nhau, đều có điều kiện để nuôi con chung, đều có quyền và trách nhiệm nuôi con như nhau. Do đó cần giao cháu Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu T, cháu P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của các con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh T không ai có yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét giải quyết. Khi đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về tài sản: Chị T và anh T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Nếu đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Bùi Quang T.

2.2. Về con chung: Giao con chung Bùi Thị Việt Y, sinh ngày 12/7/2017 cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao con chung Bùi Tiến T, sinh ngày 15/04/2013; Bùi Đức P, sinh ngày 04/3/2015 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T và anh T vì không ai có yêu cầu.

Chị T, anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị T và anh Bùi Quang T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án sẽ giải quyết khi đương sự có đơn yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai số 0013475 ngày 28/4/2025.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã TL (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hà

